TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2018
Về vụ "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Văn Bình
Các hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Phước Lộc
2/. Ông Phùng Nhật Tân

Thư ký phiên toà: Ông Đặng Đình Toàn – Thư ký toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phú quốc tham gia phiên tòa ông ông Nguyễn Văn Trung, kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn Th, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ A, ấp Ch V, xã G D, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ A, ấp Ch V, xã G D, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang – Phòng giao dịch P Q, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn Th trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Ph tự nguyện tìm hiểu, thương nhau được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý, không có tổ chức lễ cưới. Ông và bà Ph chung sống với nhau vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Ngay buổi đầu cuộc sống chung giữa vợ, chồng hạnh phúc và có với nhau ba người con chung tên là Dương Quốc Tr, sinh ngày 17/5/1998, Dương Quốc B, sinh ngày 16/01/2000 và là Dương Quốc Th, sinh ngày 07/01/2012.

Năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do gia đình cha, mẹ bà Ph bán đất cho chung vợ chồng 1.000.000.000đ để làm ăn. Khi cho tiền thì bà Ph quản lý và xem thường và xua đuổi ông ra khỏi nhà. Từ đó, vợ chồng sống ly thân nhau đến nay. Nay ông xét thấy, tình

cảm sống chung vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Ph.

Về con chung: Cháu Dương Quốc Tr và Dương Quốc B đã trưởng thành sống tự lập. Dương Quốc Th 6 tuổi, ông đồng ý giao cho bà Ph tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), trách nhiệm làm cha ông cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Th và bà Ph có nợ Ngân hàng 27.000.000đ chưa đến hạn. Bà Ph có nghĩa vụ trả 14.000.000đồng, ông Th có nghĩa vụ giao 13.000.000đồng, ông Th có nghĩa vụ giao cho bà Ph quản lý số tiền này khi đến hạn bà Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng khi đến hạn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa xác nhận: Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung ông Th trình bày là hoàn toàn đúng. Sau khi ly hôn bà được tiếp tục nuôi cháu Dương Quốc Th, sinh ngày 07/01/2012 cho đến tuổi trưởng thành, ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến tuổi trưởng thành. Nếu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ thì bà đồng ý giao con cho ông Th nuôi dưỡng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang – Phòng giao dịch P Q: Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng khởi kiện yêu cầu độc lập và cung cấp chứng cứ. Ngày 04/10/2018 Ngân hàng có văn bản không yêu cầu nên không có lời khai.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sư; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân tuyên tố không công nhận quan hệ giữa ông Th và bà Ph là vợ chồng.

Về con chung giao cho ông Th nuôi dưỡng.

Về nợ chung ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở tranh luật tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của ông Dương Văn Th và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ph có địa chỉ tại ấp C V, xã G D,

huyện P Q, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang – Phòng giao dịch P Q có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Th và bà Ph được xác lập vào năm 1998, do hai người tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được gia đình cha, mẹ hai bên đồng ý và chung sống chồng vợ với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy hai người chung sống với nhau có ba người con chung. Mặt dù hai người có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ, chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông Th bà Ph là hôn nhân không hợp pháp đã vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không có căn cứ để xét xử cho ông Th bà Ph được ly hôn mà phải tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

[3]. Về quan hệ con chung:

Xét thấy, tại phiên tòa ông Th, bà Ph đều xác nhận có ba người con chung tên là Dương Quốc Tr, sinh ngày 17/5/1998, Dương Quốc B, sinh ngày 16/01/2000 và Dương Quốc Th, sinh ngày 07/01/2012. Hiện tại Dương Quốc Ch và Dương Quốc B đã trưởng thành và sống tự lập. Riêng Dương Quốc Th bà Ph đồng ý giao cho ông Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) ông Th đồng ý nuôi con và không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung:

Xét thấy, ông Th và bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung:

Xét thấy, ông Th và bà Ph xác nhận có nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang– Phòng giao dịch P Q số tiền 27.000.000đồng chưa đến thời hạn trả nợ. Tòa án thông báo đưa Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang – Phòng giao dịch P Q, tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khởi kiện yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật, nhưng Ngân hàng có văn bản không yêu cầu (vì chưa đến hạn trả nợ). Tại phiên tòa ông Th và bà Ph thỏa thuận khi đến hạn bà Ph có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng 27.000.000 đồng (trong đó, bà Ph có nghĩa vụ trả 14.000.000đồng, ông Th trả 13.000.000đồng, ông Th giao cho bà Phư quản lý trả cho Ngân hàng khi đến hạn) là hoàn toàn tự nguyện Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về án phí: Ông Dương Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lại thu số: 0003298 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P Q, tỉnh Kiên Giang. Bà Ph không phải chịu án phí.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Dương Văn Th bà Nguyễn Thị Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Quốc Th, sinh ngày 07/01/2012 cho ông Dương Văn Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th không yêu cầu bà Phương cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Quốc Th mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Ghi nhận sự sự tự nguyện của ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph như sau: Bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang - Phòng giao dịch P Q số tiền 27.000.000 đồng (trong đó, bà Ph có nghĩa vụ trả 14.000.000đồng, ông Th trả 13.000.000đồng, ông Th giao cho bà Ph quản lý trả cho Ngân hàng khi đến hạn).

6. Về án phí: Ông Dương Văn Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0003298 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P Q, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Thị Ph không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- UBND xã Gành Dầu;
- CCTHA dân sự huyện Phú Quốc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỒ VĂN BÌNH